Ký bởi:Văn phòng UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Thời gian ký:07.10.2020 10:24

VĂN PHÒNG UỶ BAN NHÂN DÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2786 /QĐ-UBND	*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 15 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2020 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và báo cáo việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện rà soát thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 390/TTr-VP ngày 15 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa **17** thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong năm 2020 (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nội dung Quyết định và Phụ lục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, địa chỉ www.baria-vungtau.gov.vn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy (b/c);
- TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- TT Công báo tin học tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NC7.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2020 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải: 01 TTHC

1. Thủ tục "Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp"

1.1 Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ "2. Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau:

a) Người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

b) Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn;

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 17 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải **2. Giấy phép lái xe hạng B1 có thời hạn đến khi người lái xe đủ 55 tuổi đối với nữ và đủ 60 tuổi đối với nam; trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp, và hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe**, chỉ có nhu cầu lái xe cá nhân, do đó việc kiểm tra sức khỏe giống các hạng lái xe chuyên nghiệp B2, C, D, E, FC, FD, FE là không phù hợp. Vì vậy để tránh gây tốn kém tiền bạc cho người dân, cụ thể là những người có giấy phép lái xe hạng B1 có nhu cầu đổi giấy phép lái xe với những trường hợp đổi, cấp lại giấy phép lái xe hạng B1 do bị hư hỏng hay bị mất nhưng chưa đủ 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam thì việc khám lại sức khỏe là không cần thiết.

1.2 Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 38 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau:

a) Người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

b) Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn;

c) Người có giấy phép lái xe hạng B1 (chưa đủ 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam)

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 410.690.400 đồng/năm

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 97.898.000 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm: 312.792.400 đồng/năm

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 76%

II. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông: 01 TTHC.

1. Thủ tục "Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng".

1.1 Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị sửa đổi thời hạn giải quyết hồ sơ của thủ tục hành chính cấp: Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính, từ 10 ngày điều chỉnh thành 07 ngày.

Lý do:

Thời hạn giải quyết hồ sơ của thủ tục hành chính cấp Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính, trong 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định của pháp luật, là khá dài gây phiền hà cho các tổ chức khi thực hiện TTHC.

1.2 Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 8 Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính ***" b. 10 ngày làm việc, đối với việc thẩm tra và cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính*** thành ***" b. 07 ngày làm việc, đối với việc thẩm tra và cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.***

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 3.710.800 đồng

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 3.062.800 đồng.

Chi phí tiết kiệm: 648.000 đồng

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,46%

III. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở công Thương: 01 TTHC.

1. Thủ tục "Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương"

1.1 Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động knh doanh theo phương thức đa cấp.

Lý do:

Vì bộ phận giải quyết hồ sơ của Sở Công Thương có thể tra cứu trên Website của Cục Quản lý cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng.

1.2 Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ thành phần hồ sơ thủ tục hành chính "Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương" được quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động knh doanh theo phương thức đa cấp.

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa : 40.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 30.000.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 10.000.000đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí : 25%.

IV. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư: 01 TTHC.

1. Thủ tục "Đăng ký thành lập công ty Hợp danh"

1.1 Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bỏ yêu cầu nộp Điều lệ công ty trong thành phần hồ sơ đăng ký thành lập mới.

Lý do:

Điều lệ công ty (được xem là văn bản pháp luật trong doanh nghiệp và được áp dụng ưu tiên so với quy định pháp luật (nếu không trái luật). Điều lệ công ty có các đặc điểm sau:

- Điều lệ công ty do các thành viên lập và không được trái quy định pháp luật;
- Điều lệ công ty là bản cam kết giữa các thành viên khi tiến hành thành lập công ty.

Những nội dung này đã có đầy đủ trong các quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ công ty thực chất là Quy chế nội bộ/cam kết của các thành viên công ty, do đó, Công ty không cần thiết phải ban hành lại các quy định đã có trong Luật doanh nghiệp mà cần cụ thể hóa những quy định của pháp luật thông qua các Quy chế nội

bộ của công ty; Giảm bớt thành phần hồ sơ không thực tế, gây phiền hà cho các tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

1.2 Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điều 22 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ hướng dẫn về Đăng ký doanh nghiệp và Điều 21 Luật doanh nghiệp năm 2014: Bỏ mục **"Điều lệ công ty"** trong Thành phần hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa : 500.000.000đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa : 400.000.000đồng

- Chi phí tiết kiệm: 100.000.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

V. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ: 01 TTHC.

1. Thủ tục "Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành"

1.1 Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị các cá nhân tổ chức nộp và nhận hồ sơ qua mạng internet.

Lý do: Lý do: Đối với thủ tục tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ được các tổ chức nộp và nhận hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung cấp tỉnh. Qua tính toán việc nộp và nhận hồ sơ trực tiếp so với nộp qua mạng sẽ giảm được 29,8% chi phí cho tổ chức cá nhân liên hệ.

1.2 Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung thủ tục theo hướng áp dụng hình thức nộp và nhận hồ sơ trực tuyến.

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 371.584 đồng

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 260.792 đồng

Chi phí tiết kiệm: 110.792 đồng

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,8%

VI. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường: 07 TTHC.

1. Thủ tục "Tách thửa hoặc hợp thửa":

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Không tính thời gian thực hiện việc đo đạc ngoài tực địa vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính khi trích đo địa chính để chia tách thửa đất; Không tính thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định đối với phần diện tích chuyển quyền vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính tách thửa.

Lý do:

- Thời gian đăng ký biến động theo quy định đối với phần diện tích chuyển quyền ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian giải quyết thủ tục tách thửa do người dân phải thực hiện công chứng phần diện tích trên.

- Việc đo đạc phần diện tích tách thửa tại thực địa có tứ cận giáp ranh các chủ sử dụng đất khác cần có sự chỉ ranh, thống nhất giữa hai bên nhưng do tình hình thực tế tại địa phương đa số là người từ địa phương khác.

- Thời gian thực hiện việc đo đạc tại thực địa phụ thuộc vào người dân nên cơ quan giải quyết TTHC không thể chủ động thực hiện được.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Chính phủ sửa đổi nội dung quy định về thời gian giải quyết thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 75 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 14.731.218.212 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 12.440.742.215 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.290.475.997 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15.55%.

2. Thủ tục "Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất":

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bổ sung chi tiết đối với trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu chuyển một phần diện tích từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Lý do:

- Pháp luật chưa có quy định cụ thể hướng dẫn về trường hợp có thể chuyển một nửa phần đất được Nhà nước giao từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần còn phần đất còn lại vẫn trả tiền thuê đất hàng năm và sau khi có đủ tiền chuyển sang hình thức trả tiền một lần mới tiếp tục chuyển phần còn lại.

- Pháp luật cũng không quy định trường hợp này là không được.

- Không có quy định cụ thể đối với trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu chuyển hình thức một phần diện tích dẫn đến bất cập trong quá trình tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định chuyển hình thức trả tiền thuê đất cho doanh nghiệp đối với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp do phải có văn bản xin ý kiến của Bộ, ngành có liên quan.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Chính phủ bổ sung chi tiết nội dung thực hiện đối được quy định được quy định tại Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 3,877,805 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 3,542,050 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.290.475.997 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,65%.

3. Thủ tục "Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức":

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bổ sung hồ sơ gồm: Bản đồ địa chính khu đất xin chuyển mục đích, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư kèm Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư, chứng từ ký quỹ đầu tư (đối với các dự án mà nguồn vốn thực hiện ngoài ngân sách thuộc dự án sản xuất kinh doanh).

Lý do:

Hồ sơ không được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp về thành phần. Thành phần hồ sơ được quy định theo bộ thủ tục chuẩn hóa tại Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 và Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc thực tế, thành phần hồ sơ nộp theo quy định không đáp ứng được yêu cầu trong quá trình thẩm định hồ sơ, cơ quan nhà nước cần phải đối chiếu với trích lục bản đồ địa chính. Ngoài ra cần phải xem xét các quy định về chủ trương đầu tư, dự án đầu tư để củng cố pháp lý của dự án.

3.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị xem xét, bổ sung vào bộ thủ tục chuẩn hóa để tạo điều kiện thuận lợi, giảm bớt chi phí đi lại, chi phí thời gian của người dân, doanh nghiệp. Đồng thời rút ngắn thời gian trong quá trình tham mưu (hồ sơ bổ sung gồm: Bản đồ địa chính khu đất xin chuyển mục đích, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư kèm Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư, chứng từ ký quỹ đầu tư (đối với các dự án mà nguồn vốn thực hiện ngoài ngân sách thuộc dự án sản xuất kinh doanh) theo quy định tại Điểm c, đ Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 1.043.888.760 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 1.026.700.800 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 17.187.960 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,65 %.

4. Thủ tục "Cấp giấy phép nhận chìm ở biển":

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nhập thủ tục cấp Giấy phép nhận chìm bùn nạo vét ở biển và giao khu vực biển để nhận chìm thành 01 thủ tục. Đồng thời rút ngắn tối đa thời gian thẩm định, giải quyết hồ sơ thủ tục nhận chìm, giao khu vực biển.

Lý do:

Theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển thì chỉ một hoạt động đổ bùn nạo vét (TTHC xin cấp Giấy phép nhận chìm ở biển), nhưng các đơn vị, tổ chức lại phải làm 02 loại hồ sơ, qua 02 bước thủ tục khác nhau, gồm đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (thực hiện trước, thời gian cấp phép 78 ngày) và đề nghị giao khu vực biển để nhận chìm (thực hiện sau khi đã được cấp Giấy phép nhận chìm, thời gian quyết định giao khu vực biển 67 ngày). Mỗi loại hồ sơ lại phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường riêng được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Thời gian để hoàn tất mỗi loại hồ sơ, thủ tục kéo dài cả năm (gồm xin cấp hải đồ; lập, trình thẩm định, phê duyệt dự án, Báo cáo đánh giá tác động môi trường; xin giấy phép nhận chìm; xin giao khu vực biển để nhận chìm), chưa kể thủ tục lựa chọn nhà thầu thi công, lập và trình thẩm định, phê duyệt Phương án đảm bảo an toàn hàng hải… trong khi việc nạo vét, đổ bùn là hoạt động cần tiến hành hàng năm vào một số thời điểm nhất định (do phụ thuộc vào thời tiết và quy định của từng địa phương).

Đến khi các thủ tục trên hoàn thành, thực trạng luồng, bến cần nạo vét đã thay đổi đáng kể so với hồ sơ dự án, thiết kế, Báo cáo đánh giá tác động môi trường ban đầu, nhất là đối với các khu vực có tốc độ bồi lắng mạnh, dẫn đến phát sinh khối lượng, chi phí nạo vét, phải điều chỉnh phương án thi công, dự toán..., trong khi luồng, bến tiếp tục bị bồi lắng, gây mất an toàn hàng hải, lưu thông hàng hóa ách tắc. Quy định bất hợp lý nêu trên vừa gây tốn kém thời gian, kinh phí cho các doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Từ các vướng mắc nêu trên, ngày 14/12/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 3199/QĐ-BTNMT về quy trình thí điểm liên thông giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Theo đó, Quy trình liên thông giải quyết thủ tục cấp giấy phép nhận chìm ở biển và thủ tục giao khu vực biển được thí điểm giải quyết đồng thời cùng một lúc (nộp hồ sơ và trả kết quả hồ sơ), vì vậy thời gian để giải quyết lồng ghép 2 thủ tục này giảm còn 82 ngày, rút ngắn 63 ngày so với quy định cũ. Việc rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính này đã góp phần giúp giảm thời gian, kinh phí cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Vì vậy, từ các cơ sở nêu trên, đề nghị nhập thủ tục cấp Giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển để nhận chìm thành 01 thủ tục.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 1.062.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 867.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 195.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5 %.

5. Nhóm thủ tục "Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm" và "Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m3/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm đối với các hoạt động khác":

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đơn giản hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép tài nguyên nước không cần phải có cá nhân, tổ chức tư vấn lập đề án/báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước theo quy định của Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá

nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

Lý do:

Theo quy định Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước thì đề án/báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước cần phải do tổ chức, cá nhân có năng lực theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT lập. Tuy nhiên, đối với hồ sơ gia hạn giấy phép tài nguyên nước (đã được cấp giấy phép) thì trong mẫu nội dung của đề án/báo cáo gia hạn chỉ báo cáo tình hình quan trắc và tình hình thực hiện các quy định của giấy phép đã cấp. Không thực hiện đánh giá có tính chất chuyên môn sâu về tài nguyên môi trường. Các loại hồ sơ này đã được đánh giá bảo vệ môi trường và cấp giấy phép tài nguyên nước ban đầu; chủ dự án có thể tự báo cáo tình hình thực hiện của mình.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ quy định: đề án/báo cáo trong hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép tài nguyên nước phải do tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện tại Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT.

6. Thủ tục "Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm đối với các hoạt động khác":

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Điều chỉnh khoản 5 Điều 3 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phù hợp với Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; Phân cấp quản lý về UBND cấp huyện thủ tục cấp cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý về môi trường của cấp Huyện.

Lý do:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước, có quy định các loại hình hoạt động có phát sinh nước thải dưới 5 m3/ngày vẫn phải có giấy phép xả nước thải, thì một số loại hình sản xuất kinh doanh còn thiếu so với phụ lục IIa Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019, đề nghị bổ sung.

Đối với một số loại hình sản xuất, kinh doanh có lưu lượng xả nước thải nhỏ, dưới 20 m3/ngày đa phần có thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền cấp Huyện quản lý, do đó việc quản lý cấp giấy phép xả nước thải đối với các loại hình sản xuất kinh doanh này quy định cho Cấp tỉnh là không đồng bộ, chưa phù hợp. Do đó, đề nghị phân cấp quản lý cho UBND cấp huyện đối với thủ tục cấp giấy phép

xả nước thải vào nguồn nước đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý về môi trường của cấp Huyện.

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung khoản 5 Điều 3 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 phù hợp với Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- Phân cấp quản lý cho UBND cấp huyện thủ tục cấp cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý về môi trường của cấp Huyện..

7. Thủ tục "Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)":

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do:

Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã được thay thế bằng Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 15/9/2019), trong đó không quy định về TTHC này.

Việc thực hiện TTHC này gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: phải tổng hợp hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản trải qua nhiều thời kỳ khác nhau; Trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 01 năm 2014 các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã quyết toán năm, công bố lỗ, lãi, nộp các khoản thuế và đã phân chia lợi nhuận, vì vậy việc thu tiền cấp quyền khai thác trước ngày 20 tháng 01 năm 2014 (ngày Nghị định 203 có hiệu lực thi hành) là khó khả thi. Do vậy, việc bãi bỏ TTHC này sẽ thuận lợi hơn cho cơ quan quản lý nhà nước cũng như doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính "Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực" cho phù hợp với Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ đang có hiệu lực thi hành.

VII. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Du lịch: 01 TTHC.

1. Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch.

1.1 Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ quy định *"Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực*

du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch" được quy định tại mục d khoản 4 Điều 50 Luật Du lịch 2017.

Lý do:

Việc kiểm tra thời gian làm việc của cấp quản lý, trưởng các bộ phận Đoàn thẩm định có thể kiểm tra trực tiếp khi tiến hành xếp hạng tại các cơ sở thông qua văn bằng, chứng chỉ của nhân viên được sắp xếp vào các vị trí chủ chốt của đơn vị.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ quy định *"Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch"* được quy định tại mục d khoản 4 Điều 50 Luật Du lịch 2017.

1.3 Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.510.500 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa : 2.343.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 167.500 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí : 7%.

VIII. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo: 01 TTHC.

1. Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông

1.1 Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ "*Hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận tạm trú dài hạnhoặc Quyết định điều động công tác của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ tại nơi sẽ chuyển đến với những học sinh chuyển nơi cư trú đến từ tỉnh, thành phố khác*", được quy định tại điều 5, chương II, Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Lý do:

Tạo tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, Học sinh được xét và giải quyết chuyển trường nếu đảm bảo đủ các điều kiện về đối tượng và hồ sơ thủ tục còn lại.

1.2 Kiến nghị thực thi

Thành phần hồ sơ đơn giản hơn, giảm chi phí.

Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ "*Hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận tạm trú dài hạnhoặc Quyết định điều động công tác của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ tại nơi sẽ chuyển đến với những học sinh chuyển nơi cư trú đến từ tỉnh, thành phố khác*",

được quy định tại điểm h, điều 5, chương II của Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thôngtrong thành phần hồ sơ của TTHC "*Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông*"

1.3 Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 426.522.117 đ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 399.223.351 đ.

- Chi phí tiết kiệm: 27.298.767 đ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6 %.

IX. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp: 01 TTHC.

1. Thủ tục "Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam"

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ *"Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng (đối với giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày)"* trong thủ tục hành chính **"Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam"** được quy định tại Điều 14 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Lý do:

Giao quyền tự chủ cho doanh nghiệp, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho Doanh nghiệp trong việc tuyển người lao động nước ngoài vào làm việc. Việc cấp lại GPLĐ là người lao động hiện đã và đang làm việc tại Doanh nghiệp và Doanh nghiệp thực hiện việc giám xác, theo dõi và chịu trách nhiệm về sức khỏe của người lao động trong quá trình làm việc.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điều 14 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là bỏ thành phần hồ sơ *"Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng (đối với giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày)"* trong thủ tục hành chính **"Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam"**.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **679.811.000 đồng.**

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **217.503.000 đồng**.

- Chi phí tiết kiệm: **462.308.000 đồng**.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **68%**.

X. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: 01 TTHC.

1. Thủ tục Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng.

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ Tờ khai *"Thông báo về việc tìm kiếm việc làm Tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ nhất"* được quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 10, Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp.

Lý do:

Ngày của tháng thứ nhất hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp theo phiếu hẹn trả kết quả nên không cần phải khai lại Tờ khai *Thông báo về việc tìm kiếm việc làm Tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ nhất* (Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội), tránh khai lại nhiều lần gây phiền hà cho cá nhân khi thực hiện TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi Điều 10, Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp. Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ Tờ khai *"Thông báo về việc tìm kiếm việc làm Tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ nhất"* khi thực hiện thủ tục này (Tờ khai theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH).

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 456.000.000đ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 400.000.000đ

- Chi phí tiết kiệm: 56.000.000đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,28%.

XI. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao: 01 TTHC.

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị sửa đổi Mục 3 Bản tóm tắt theo mẫu số 03 trong thành phần hồ sơ của Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao, cụ thể về nội dung: "Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh" để được phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh đối với từng cơ sở

Lý do:

Nhận thấy trên thực tế, mức đầu tư của các cơ sở hoạt động Yoga không đáng kể, cơ sở vật chất, trang thiết bị khá đơn giản, chủ cơ sở không cần thiết phải đảm bảo nguồn tài chính hoạt động. Vì vậy, kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, đưa vào phương án đơn giản hóa, điều chỉnh Mục 3 Bản tóm tắt theo Mẫu số 03 của Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ để được phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh đối với từng doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Mục 3 Bản tóm tắt theo mẫu số 03 trong thành phần hồ sơ của Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể tha sửa đổi nội dung *"Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh*" thành nội dung: *"Tự bảo đảm nguồn tài chính hoạt động kinh doanh".*

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 745.000.000đ
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 500.000.000đ
- Chi phí tiết kiệm: 245.000.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,8%.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Tuấn